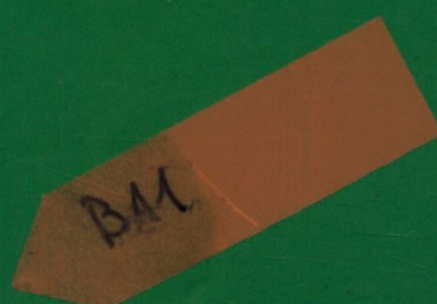


DIỆP QUANG BAN

VĂN BẢN và

LIÊN KẾT TRONG TIẾNG VIỆT

- Văn bản
- Mạch lạc
- Liên kết
- Đoạn văn



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

DIỆP QUANG BAN

VĂN BẢN VÀ LIÊN KẾT TRONG TIẾNG VIỆT

- VĂN BẢN
- MẠCH LẠC
- LIÊN KẾT
- ĐOẠN VĂN

(Tái bản lần thứ tám)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



LỜI NÓI ĐẦU

VĂN BẢN VÀ LIÊN KẾT TRONG TIẾNG VIỆT được trình bày theo bài mục để tiện dùng cho người đọc : cần bài mục nào đọc bài mục ấy theo lối tra cứu, không nhất thiết phải đọc phần trước mới hiểu phần sau. Mỗi bài mục có tính chất trọn vẹn tương đối. Nhiều bài mục được chia thành hai phần : phần giới thiệu những kiến thức phổ biến và phần tham khảo dành riêng cho những ai muốn tìm hiểu sâu thêm vấn đề đang bàn. Các bài mục có tính chất tự lập tương đối, nhưng cùng hợp lại cấu thành nội dung chung của sách. Theo đó, ngoài phần *Dẫn luận*, sách được chia thành 3 phần :

Phần một : VĂN BẢN, dành cho một số vấn đề chung của văn bản và ngôn ngữ học văn bản.

Phần hai : LIÊN KẾT TRONG TIẾNG VIỆT, giới thiệu hai hệ thống liên kết : một hệ thống đang được phổ biến ở nhà trường Việt Nam hiện nay và một hệ thống đang được chấp nhận rộng rãi trên thế giới.

Phần ba : ĐOẠN VĂN, coi như một cấu tạo văn bản nhỏ nhất. Ở đây các kiến thức về văn bản, về cấu trúc ngoài liên kết được vận dụng.

Quyển sách được viết vào thời kì "bản lề" trong việc dạy – học ngôn ngữ và tiếng Việt ở Việt Nam, do đó một mặt nó phải đáp ứng những yêu cầu trước mắt là dạy học theo các sách giáo khoa, giáo trình hiện hành bằng tiếng Việt ở Việt Nam, mặt khác nó cố gắng giới thiệu những kiến thức, cách nhìn chuẩn bị cho giai đoạn sắp tới ở Việt Nam. Về phương diện thứ hai, những điều giới thiệu trong sách có tư cách là đối tượng lựa chọn, góp phần cập nhật hoá kiến thức hiện đại đối với người

dùng sách. Đồng thời đó cũng là sự chuẩn bị cơ sở cho mối quan hệ "liên thông" với một ngữ pháp câu kết hợp. Mặt khác, những kiến thức này cũng góp phần giúp người dạy – học ngoại ngữ tìm hiểu những kiến thức tương ứng được dùng trong các sách dạy – học ngoại ngữ đang lưu hành ở Việt Nam.

Người viết sách xin bày tỏ lòng biết ơn đối với Nhà xuất bản Giáo dục đã nhiệt tình giúp đỡ để sách được ra mắt bạn đọc. Nhân đây xin cảm ơn Giáo sư Tiến sĩ khoa học Trần Ngọc Thêm đã cung cấp nhiều số tạp chí quốc tế TEXT, giúp ích cho việc biên soạn một số bài mục trong sách.

Cuối cùng, người viết chân thành mong đợi những điều góp ý của các bạn đọc và sẽ rất cảm ơn các bạn vì những ý kiến đóng góp quý báu đó.

Hà Nội, tháng 5 năm 1998

DIỆP QUANG BAN

DẪN LUẬN

I – VĂN BẢN TRỞ THÀNH ĐỐI TƯỢNG CỦA NGÔN NGỮ HỌC

Trước hết có lẽ nên điểm qua một số ý tưởng được đưa ra trước khi văn bản trở thành đối tượng nghiên cứu của ngôn ngữ học.

Ngay từ năm 1953, L. Hjelmslev, nhà ngôn ngữ học tên tuổi Đan Mạch đã viết : "Cái duy nhất đến với người nghiên cứu ngôn ngữ với tư cách khởi điểm [...] đó là văn bản trong tính hoàn chỉnh tuyệt đối và không tách rời của nó".

Lời nói có tính chất tuyên ngôn này về sau ngày càng được khẳng định bằng những nhìn nhận mới đối với cái đơn vị trong ngôn ngữ mà con người trực tiếp sử dụng khi nói năng : "Đơn vị cơ bản khi chúng ta sử dụng ngôn ngữ, không phải là từ hay câu, mà là văn bản". (M.A.K. Halliday, 1960)

Hoặc : "Các kí hiệu ngôn ngữ chỉ bộc lộ mình chừng nào chúng là những cái gắn bó với nhau trong văn bản [...]. Mọi người dùng ngôn ngữ [...] chỉ nói bằng các văn bản, chứ không phải bằng các từ và bằng các câu, ít ra là cũng bằng các câu làm thành từ các từ nằm trong văn bản". (H. Harman, 1965)

Và một nhận định chứa một nhân tố mới quan trọng – nhân tố tình huống – xuất hiện : "Bình thường chúng ta nói không phải bằng các từ rời rạc mà bằng các câu và các văn bản, và lời nói của chúng ta xây dựng trên tình huống". (H. Weinrich, 1966)

Nhận định tổng quát về các lời phát biểu đó đây, nhà ngôn ngữ học trẻ tuổi người Áo lúc bấy giờ – cũng là người sau này cho ra đời những công trình đầu tiên khá hoàn chỉnh về ngôn ngữ học văn bản – viết : "Trong thời đại chúng ta mọi người thừa nhận rằng đơn vị ngôn ngữ cao nhất, ít lệ thuộc nhất, không phải là câu, mà là văn bản". (W. Dressler, 1970)

Và rồi cứ thế, cái đơn vị ngôn ngữ cao nhất được gọi là VĂN BẢN đó nghiêm nhiên trở thành đối tượng của ngôn ngữ học. Văn bản trở thành đối tượng của ngôn ngữ học đã là cơ sở thúc đẩy hình thành một môn học mới trong ngôn ngữ học : NGÔN NGỮ HỌC VĂN BẢN.

Văn bản hiểu trong nghĩa rộng vốn dĩ vẫn tồn tại từ xa xưa. Tuy nhiên, ngôn ngữ học văn bản với tư cách một lĩnh vực nghiên cứu khoa học thì mới ra đời giữa những năm 60 của thế kỉ XX.

Nửa cuối những năm 60 và vài ba năm đầu thập kỉ 70, ở châu Âu đã nổ ra một sự "rùm beng" (*hầu không khí có phần "rùm beng"* – chữ dùng của T.M. Nicolaeva, 1978) chung quanh ngôn ngữ văn bản, một sự kiện mà thậm chí có người không coi là một lĩnh vực, mà coi là một nền tảng của ngôn ngữ học nói chung (tổng quan của Nicolaeva). Sự ồn ào ấy thể hiện ra bằng hàng loạt những ấn phẩm định kì, những sưu tập bài nghiên cứu về văn bản, từ góc độ ngôn ngữ học, mà nội dung thì nào là cương lĩnh kế hoạch, nào là phương hướng, nhiệm vụ v.v... Tất cả những vấn đề được ném ra xung quanh cái đối tượng là văn bản đó, ngay ở buổi ban đầu ấy, đã vừa phong phú vừa đa dạng khiến người ta phải giật mình. Trong một bài tổng quan của G. Kassai về ngôn ngữ học văn bản, sau khi dẫn ra các đầu đề 19 mục của chương *Ngữ pháp văn bản* trong cuốn *Dẫn luận ngôn ngữ học văn bản* (1972) của nhà ngôn ngữ học người Áo là Dressler, Kassai đã phải thốt lên rằng : "Chỉ mỗi một việc liệt kê các đề mục cũng đã cho ấn tượng về một sự phong phú trù mật : ngôn ngữ học văn bản đang ngự trị khắp nơi và cái gì cũng là ngôn ngữ học văn bản cả" (Kassai, "A propos de la linguistique du texte" trong

La linguistique vol. 12, Fasc. 2/1976, p.121 – Đây là bài tổng quan ngắn gọn và đầy đủ nhất thời bấy giờ về ngôn ngữ học văn bản).

Ở giai đoạn đầu, theo Kassai, nơi các cuộc nghiên cứu về văn bản diễn ra sôi nổi nhất là nước Đức (cả ở Cộng hoà liên bang Đức lẫn ở Cộng hoà dân chủ Đức thời bấy giờ) và thuở ban đầu ấy việc nghiên cứu văn bản nói chung (không chỉ ở riêng nước Đức) tập trung chú ý ở cấu tạo ngôn ngữ lớn hơn câu, nên xuất hiện những tên gọi như : *cú pháp văn bản*, *ngữ pháp văn bản* và *ngôn ngữ học văn bản* (chẳng hạn Weinrich, Dressler).

Các nhà nghiên cứu đã đánh giá cái mầm non sung sức phát triển vũ bão này như thế nào ?

P. Sgall (1973) nhận định chung rằng một số ít người coi việc mình làm có quan hệ với các lĩnh vực ngôn ngữ học đã có, ví dụ như phong cách học ; thế nhưng phần đông lại cho rằng trước họ là cái khoảng "chân không" làm cản trở việc ứng dụng các phương pháp ngôn ngữ học vào việc nghiên cứu văn học, tin học v.v...

J.V. Rozhdestvenski (1978) thuộc vào số những người ít ỏi kể trên, ông viết : "Việc nghiên cứu văn bản vốn là đối tượng cổ điển của ngôn ngữ học. Gần đây trong ngôn ngữ học châu Âu, sự chú ý đến nó đã nổi lên rõ rệt. Điều này có thể giải thích là do ngôn ngữ học cấu trúc [...] đã đem lại [...] một số thất vọng".

Có lẽ là thoả đáng, nhận định cho rằng nguyên nhân làm nảy sinh ngôn ngữ học văn bản là sự trưởng thành của ngôn ngữ học và sự chật chội của ngôn ngữ học lấy câu làm đơn vị tốt cùng (Kassai).

Quả vậy, đánh giá ngôn ngữ học văn bản như cái gì hoàn toàn mới mẻ sẽ dẫn đến nguy cơ phủ nhận, xoá sạch những thành tựu ngôn ngữ học truyền thống "tiền văn bản" (kể cả những thành tựu gần đây nhất của cấu trúc luận ngôn ngữ học). Trái lại, coi ngôn ngữ học văn bản chẳng có gì mới lạ sẽ tạo ra thái độ bảo thủ, phong bế, bằng lòng với

những gì đã có và đang đạt được ở nền ngôn ngữ học với câu là đơn vị tốt cùng.

Cuối bài mục này, cần lưu ý rằng cái không khí sôi động của ngôn ngữ học văn bản thời nào đến nay đã lắng dịu, và nhìn lại người ta nhận ra hai thời kì lớn của nó, cũng như một giai đoạn mới có phần khác hơn đang mở ra sau nó. Những sự việc này sẽ được trình bày ở bài mục sau.

II – HAI GIAI ĐOẠN CỦA NGÔN NGỮ HỌC VĂN BẢN VÀ TÊN GỌI "PHÂN TÍCH DIỄN NGÔN"

Trong quyển *Ngữ pháp văn bản*, 1981, I. Moskal'skaja ghi nhận rằng thời kì đầu người ta coi đối tượng nghiên cứu của ngôn ngữ học văn bản là chỉnh thể cú pháp trên câu (còn gọi là thể thống nhất cú pháp v.v...), ngày nay (tức là vào những năm chung quanh 1981) càng chú ý hơn đến toàn văn bản. Theo bà, tình hình này do sự chuyển hướng của ngôn ngữ học : tăng cường sự chú ý ở những vấn đề ngôn ngữ học chức năng, lí luận về giao tiếp, ngôn ngữ học xã hội, phong cách chức năng, ngữ dụng học và những cái khác có ý nghĩa đối với thực tiễn xã hội.

Trên thực tế, quả là khi xem xét câu trong hoạt động người ta đã nhận ra những *yếu tố nội tại* (internal), khi mà ý của câu hoàn toàn hiểu đủ được nhờ những quan hệ tồn tại bên trong câu, và những *yếu tố ngoại tại* (external), khi mà ý câu chỉ sáng tỏ được nếu có tính đến những quan hệ nối với các yếu tố nằm ngoài câu. Do đó mà không thể thực hiện được cái ý định lập lại nền ngôn ngữ học về câu và chỉ thay câu bằng văn bản, coi văn bản là cái khung quy chiếu xác định được các quan hệ cú pháp.

Dễ thấy là các mối quan hệ xuyên câu mờ ảo hơn nhiều so với các mối quan hệ nội câu, và những khái niệm do cú pháp câu tìm ra không còn đủ nữa, phải tính đến cả những bộ môn ngoài ngôn ngữ học như logic, dụng học, tâm lí học. Một thời gian dài, một số nhà nghiên cứu cho rằng có thể thiết lập những mối quan hệ tương đồng giữa câu và văn bản, xét các mối quan hệ xuyên câu theo mô hình của các mối quan hệ nội câu, nhưng rồi họ phải huỷ bỏ hoặc phải biến đổi lí thuyết ấy.

Đó là giai đoạn đầu, giai đoạn mà R. de Beaugrande (1990) gọi là giai đoạn của "các ngữ pháp văn bản", kéo dài từ giữa những năm 60 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX. Khái quát về nội dung giai đoạn này có thể tìm thấy trong nhận định sau đây của R. de Beaugrande : "Những khác biệt về chất lượng giữa văn bản và câu ở đây được giải thuyết một cách tiêu biểu chỉ như là những khác biệt về số lượng, rớt cuộc (chúng) có thể giải thích được bằng những điều bổ sung vào những hệ thống quy tắc và những lễ thói hình thức hiện tồn".

Và từ 1975 trở đi "*Ngữ pháp văn bản* đã mất đi – không phải do ngộ nhận – vị trí trung tâm của nó". (R. de Beaugrande)

Giai đoạn tiếp theo – giai đoạn thứ hai – là giai đoạn chưa có một tên gọi thống nhất. Trong bài viết của R. de Beaugrande còn nói : "Tất cả những lí do trên hợp lại (tác giả đưa ra năm lí do – D.Q.B) đã dẫn đến việc tổ chức lại về cơ bản cho ngôn ngữ học văn bản từ giai đoạn sơ khai "ngữ pháp văn bản" của nó. Nhưng chắc chắn tên gọi thích hợp cho giai đoạn tiếp theo vẫn chưa đạt được sự thống nhất".

Chưa có một tên gọi thống nhất ! Tuy nhiên cũng đã có những tên gọi được đề nghị. Về mặt thời gian, có thể lùi về trước với R. Barthes, năm 1970, khi mà trên bình diện thế giới đang còn ngự trị "*Ngữ pháp văn bản*". Trong bài viết *Ngôn ngữ học diễn ngôn*, Barthes đã đề nghị tên gọi *xuyên ngôn ngữ học* (translinguistique) :

"Xem xét vấn đề hoàn toàn từ quan điểm phân loại các lĩnh vực khác nhau của kí hiệu học, chúng tôi đề nghị hợp nhất tất cả các nghiên cứu này (tức là những gì bao hàm trong từ *văn học*, theo ý ở đoạn nói bên trên – D.Q.B) với những nghiên cứu mà khách thể của chúng sẽ là tính đa dạng khôn cùng của các văn bản phon-clo và các văn bản văn học, cũng như các văn bản ngôn từ (viết và miệng) có liên quan đến lĩnh vực giao tiếp đại chúng, thành một phần thống nhất trong kí hiệu học, có thể gọi tên – dù là sơ bộ – là *ngôn ngữ học diễn ngôn* (linguistique du discours), hoặc *xuyên ngôn ngữ học* (translinguistique) (thích hợp hơn,

